

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HC-ST
Ngày: 15-11-2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Thủy

2. Bà Đỗ Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 và ngày 11, 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-HC ngày 24 tháng 3 năm 2021 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HC ngày 09/9/2022, Thông báo hoãn phiên tòa số 289/2022/TB-TA ngày 26/9/2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2022/QĐ-ST ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Trần Phước H, sinh năm 1975. Địa chỉ: số A 75/6D/24, Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: (có mặt).

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố VT

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Dương B – Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch UBND thành phố VT.

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: 01 Phạm Văn Đồng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Phan Văn M – Phó giám đốc sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Bà Cao Thị Xuân Hu – Phó trưởng phòng giá đất và bồi thường giải phóng mặt bằng - Chi cục quản lý đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, ông Trần Phước H trình bày:

Ngày 14/5/2018 UBND thành phố VT ban hành Quyết định 2112/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần Phước H thuộc công trình Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu. Quyết định này áp giá đất theo Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu. Giá đất này khảo sát từ năm 2016. Trong khi bồi thường năm 2018 giá đất thị trường lớn hơn rất nhiều. Không đồng ý, ông H khiếu nại. Ngày 17/12/2018 Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8634/QĐ-UBND. Quyết định này bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H. Không đồng ý ông H tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 01/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND (lần hai). Theo đó bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H, giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu. Ngày 30/01/2020 ông H khiếu nại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự án Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha Phường 10, thành phố Vũng Tàu. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H, giữ nguyên Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Không

đồng ý, ngày 09/3/2021 ông H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính và yêu cầu hủy các Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu; Quyết định 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu; Quyết định 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu khảo sát lại giá đất và bồi thường lại cho ông H theo giá khảo sát mới.

[2]Người bị kiện UBND thành phố VT; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và người bảo vệ quyền lợi có ý kiến như sau:

Dự án khu tái định cư 10 ha trong 58 ha tại Phường 10 thành phố VT được triển khai thực hiện theo Thông báo thu hồi đất số 257/TB-UBND ngày 30/5/2016 và giá đất thực hiện theo Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 29/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án tái định cư 10 ha trong 58 ha tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu. Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 29/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường được ban trên cơ sở khảo sát giá tại thời điểm năm 2016 theo quy định của luật đất đai năm 2013 và Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh quy định chung về xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Nội dung khiếu nại của ông H Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu đã giải quyết khiếu nại, theo đó bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H. Không đồng ý, ông H khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh, tại quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh đã bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H. Ngày 01/3/2021, ông H mới khởi kiện là đã quá thời hạn 01 năm mà không có lý do chính đáng nên đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có ý kiến phản hồi. Ngày 04/10/2022, Sở Tài nguyên & Môi trường có Văn bản số 6785/STNMT-CCQLĐĐ có ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Trần Phước H. Tuy nhiên, Sở TN&MT không phải là người được Chủ tịch UBND tỉnh cử tham gia bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND tỉnh. Do vậy, Văn bản số 6785/STNMT-CCQLĐĐ ngày 04/10/2022 của Sở TN&MT không được coi là ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 10/11/2022 UBND tỉnh mới gửi Văn bản số 14129/UBND-VP về việc có ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông H. Theo đó Chủ tịch UBND tỉnh cho rằng Quyết định 2925/QĐ-UBND của UBND tỉnh được ban hành đúng quy định của pháp luật. Việc ông H khiếu nại Quyết định 2925/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật. Ông H yêu cầu hủy Quyết định 3785/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông H.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

- Về tuân theo pháp luật: Ông Trần Phước H khởi kiện Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tòa án xem xét là đúng quy định. Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về thời hiệu: Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết khiếu nại bác yêu cầu khiếu nại của ông H. Nên các Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 còn thời hiệu xem xét.

- Xác định thành phần tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, Tòa án xác định người khởi kiện, người bị kiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông H ngày 14/5/2018 nhưng áp dụng đơn giá theo Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 là không đúng theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, khởi kiện này của ông H là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và hủy các Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự chấp hành pháp luật của các đương sự:

Tại phiên tòa, người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật. Người khởi kiện, người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) không tham gia tố tụng, và người bảo vệ quyền lợi của Chủ tịch UBND tỉnh không có văn bản nêu ý kiến, quan điểm của mình về nội dung vụ án.

[1.2] Về đối tượng bị kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và tư cách đương sự trong vụ án: Quyết định 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu. *Về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định*

cư cho ông (bà) Trần Phước H địa chỉ: Hẻm 227, Lũu Chí Hiếu Phường 10, thành phố Vũng Tàu thuộc công trình: Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha, Phường 10, thành phố Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Quyết định 2112/QĐ-UBND) đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND thành phố Vũng Tàu, thuộc đối tượng bị kiện. Người bị kiện là UBND thành phố Vũng Tàu. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu (lần đầu) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (lần hai) đây là các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan đến Quyết định 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính:

Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, ... quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Do vậy, Tòa án đưa Quyết định giải quyết khiếu nại số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu (lần đầu) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (lần hai) xem xét, giải quyết trong cùng vụ án và đưa Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đối với Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết đơn lần đầu của ông Trần Phước H. Đây là quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND tỉnh đối với khiếu nại của ông H khiếu nại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu. Đây là quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính. Khi có yêu cầu Tòa phải xem xét và giải quyết trong cùng vụ án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/5/2018, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 2112/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H. Không đồng ý ông H khiếu nại, ngày 17/12/2018 Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 8634/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 1), không đồng ý ông H tiếp tục khiếu nại lên tỉnh. Ngày 01/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2566/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu. Ngày 04/3/2021 ông H mới nộp đơn khởi kiện là đã quá thời hạn 1 năm. Tuy nhiên, ngày 30/01/2020 ông H khiếu nại Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quy định của luật khiếu nại, ông H không có quyền khiếu nại Quyết định này, lẽ ra Chủ tịch UBND tỉnh phải thông báo cho ông H không thụ lý giải quyết để ông H khởi kiện Quyết định 2112/QĐ-UBND ra Tòa án. Nhưng Chủ tịch UBND tỉnh

vấn thụ lý và mãi đến ngày 16/12/2020 mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3785/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H. Đây được xem là trở ngại khách quan làm cho người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy định. Thời gian từ ngày 30/01/2020 (ngày ông H khiếu nại Quyết định 2925/QĐ-UBND) đến ngày 16/12/2020 (ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3785/QĐ-UBND) không tính vào thời hiệu khởi kiện. Do vậy thời hiệu khởi kiện các Quyết định 2112/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H của ông H vẫn còn. Ý kiến của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu cho rằng yêu cầu khởi kiện của ông H đã hết thời hiệu là không đúng quy định của pháp luật

[2] Về tính hợp pháp và có căn cứ pháp lý của các quyết định hành chính bị kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Đối với Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định giải quyết khiếu nại 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 30/10/2016 UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án dự án Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha, thuộc Phường 10, thành phố Vũng Tàu.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất, ngày 14/5/2018 UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2112/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần Phước H, địa chỉ hẻm 227, Lưu Chí Hiếu, Phường 10, thành phố Vũng Tàu thuộc công trình Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha, Phường 10, thành phố Vũng Tàu là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai.

Không đồng ý ông H khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại 8634/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Căn cứ khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại “*Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.*”

Căn cứ quy định trên, Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu. Đây là quyết định hành chính của

UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tuy nhiên, quyết định này là quyết định tổng thể, căn cứ vào quyết định này UBND thành phố Vũng Tàu ban hành quyết định phê duyệt phương án kinh phí cho từng trường hợp cụ thể, nên quyết định này được áp dụng nhiều lần, không phải là đối tượng bị khiếu nại hành chính.

Việc Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý đơn khiếu nại của ông H đối với Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3785/QĐ-UBND là không đúng thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại. Ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 3785/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh là có cơ sở.

[2.2] Về nội dung:

Ngày 30/5/2016, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Thông báo thu hồi đất nhưng mãi đến ngày 14/5/2018 mới ban hành Quyết định 2112/QĐ-UBND thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông H và áp giá đất theo Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 là không đúng thời điểm có quyết định thu hồi đất, không kịp thời theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai, làm thiệt hại đến quyền lợi của ông H.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề xuất Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của ông H Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định giải quyết khiếu nại số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu của ông H là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 74 Luật đất đai; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H hủy các quyết định:

- Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu. *Về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Phước H địa chỉ: Hẻm 227, Lũu Chí Hiếu Phường 10, thành phố Vũng Tàu thuộc công trình: Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha, Phường 10, thành phố Vũng Tàu;*

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 8634/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu (lần đầu);

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 2566/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (lần hai);

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3785/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. *V/v giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Trần Phước H, địa chỉ: A75/6D đường Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu).*

- Buộc UBND thành phố Vũng Tàu ban hành lại quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Trần Phước H theo đúng quy định của pháp luật;

- Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước H đối với Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

[2]Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại 300.000đ tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho ông Trần Phước H theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008285 ngày 08/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKS ND tỉnh BR-VT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Sử

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-HC:

(1) Ghi tên Tòa án ra bản án. Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Số: 98/2017/HC-ST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu vụ án (ví dụ: về khiếu kiện quyết định thu hồi đất).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi tương tự hướng dẫn tại điểm (1) nhưng thay các chữ “Tòa án nhân dân” bằng “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại...). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày là 02 ngày thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 05 và 06 tháng 12...); nếu số ngày từ 03 ngày trở lên thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 12 năm ...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 02 tháng 12 năm ...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm ...).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý (ví dụ: số 19/2017/TLST-HC).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh). Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện; nếu là người đại

diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nhung).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người khởi kiện thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nào.

(16) Nếu người bị kiện là người có thẩm quyền thì ghi chức danh của người bị kiện (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú của người đó (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đề nghị, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, trong đó ghi rõ ý kiến của Viện kiểm sát về các tình tiết, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong bản án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có) để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí, chi phí tố tụng (nếu có) và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng

ngộ án thì phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

*(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ
thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo
quy định tại
Điều 196 của Luật TTHC).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng
dấu)*